|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD & ĐT THANH HÓA TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN**  ĐỀ ĐỀ XUẤT  *Đề thi gồm 01 trang* | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XIV, NĂM 2023**    **ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 10**  *Thời gian: 180 phút (Không kể thời gian giao đề)* |

**Câu I. (*4,00 điểm*)**

1. Thời gian chiếu sáng trong ngày từ xích đạo về hai cực thay đổi như thế nào trong ngày 22/6? Giải thích tại sao có hiện tượng như vậy?

2. Phân tích sự khác nhau về các nhân tố hình thành đất ở vùng cận cực lục địa và vùng nhiệt đới gió mùa.

**Câu II. (*4,00 điểm*)**

1. Chứng minh rằng tính địa đới của sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất đã bị phá vỡ.

2. Nhận xét, giải thích sự khác nhau về nhiệt độ và độ mặn nước biển ở vùng chí tuyến và ôn đới; ở xích đạo và vùng cực?

**Câu III. (*4,00 điểm*)**

1. Phân tích vai trò của sự phân bố lục địa, đại dương đối với nhiệt độ trên Trái Đất. Vì sao cùng có mưa quanh năm nhưng kiểu khí hậu xích đạo có lượng mưa lớn thường xuyên và đều đặn, còn kiểu khí hậu ôn đới hải dương lại mưa ít và thất thường?

2. Nhận xét, giải thích về lượng mưa giữa bờ Đông và bờ Tây lục địa ở khu vực nhiệt đới và cận nhiệt. Tại sao gió mùa khu vực nội chí tuyến lại có khả năng phá vỡ tính liên tục của gió Tín phong?

**Câu IV. (*3,00 điểm*)**

1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ suất sinh thô. Tại sao ở những nước đang phát triển tỉ suất sinh thô cao và đang có xu hướng giảm?

2. Trình bày đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Tại sao các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam phải điều khiển lại quá trình đô thị hóa?

**Câu V. (*5,00 điểm*)**

1. Việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia? Tại sao cơ cấu ngành trong GDP được xem là một tiêu chí để đánh giá nền kinh tế?

2. Cho bảng số liệu:

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA THẾ GIỚI**

**THỜI KÌ 1950 - 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1950** | **1970** | **1990** | **2000** | **2010** | **2019** |
| Than *(triệu tấn)* | 1820 | 2936 | 3387 | 4708 | 7460 | 8130 |
| Dầu mỏ *(triệu tấn)* | 523 | 2336 | 3331 | 3606 | 3984 | 4485 |
| Điện *(tỉ kWh)* | 967 | 4962 | 11832 | 15555 | 21570 | 27005 |

Từ bảng số liệu rút ra nhận xét về tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới thời kì 1950 - 2019 và giải thích.

**-------------- HẾT --------------**

**Họ và tên người ra đề: Nguyễn Thị Hồng Chữ kí:**

**Số điện thoại: 0945388661**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD & ĐT THANH HÓA TRƯỜNG THPT CHUYÊN LAM SƠN** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **LẦN THỨ XIV, NĂM 2023**    **HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 10**  *Thời gian: 180 phút (Không kể thời gian giao đề)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  |  | **4,0** |
| **1** | **Thời gian chiếu sáng trong ngày từ xích đạo về hai cực thay đổi như thế nào trong ngày 22/6? Giải thích tại sao có hiện tượng như vậy?** | **2,0** |
| ***\* Thời gian chiếu sáng trong ngày từ xích đạo về hai cực thay đổi như thế nào trong ngày 22/6?***  Vào ngày 22/6, thời gian chiếu sáng trong ngày từ xích đạo về cực Bắc dài dần, ngược lại từ xích đạo về cực Nam ngắn dần. Từ vòng cực Bắc về cực Bắc có thời gian chiếu sáng dài suốt 24 giờ, ngược lại từ vòng cực Nam về cực Nam không được chiếu sáng.  ***\* Giải thích:***  - Trái Đất có dạng khối cầu, vừa tự quay quanh trục tưởng tượng nghiêng 66033’ so với mặt phẳng quỹ đạo, vừa chuyển động quanh tịnh tiến quanh Mặt Trời. Trong quá trình chuyển động tịnh tiến quanh Mặt Trời, đường phân chia sáng tối chia Trái Đất ra hai phần bằng nhau: một phần được chiếu sáng, một phần khuất trong bóng tồi.  - Ngày 22/6, nửa cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, tia sáng Mặt Trời chiếu vuông góc với bề mặt đất tại chí tuyến Bắc, đường phân chia sáng tối nằm sau vòng cực Bắc và trước vòng cực Nam. Do đó, từ xích đạo về cực Bắc, diện tích được chiếu sáng rộng dần, thời gian chiếu sáng trong ngày cũng dài dần.  - Ngược lại, trong ngày này, nửa cầu Nam chếch xa Mặt Trời, đường phân chia sáng tối nằm trước vòng cực Nam. Do đó, từ xích đạo về cực, diện tích được chiếu sáng thu hẹp dần, thời gian chiếu sáng trong ngày cũng ngắn dần. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **2** | **Phân tích sự khác nhau về các nhân tố hình thành đất ở vùng cận cực lục địa và vùng nhiệt đới gió mùa.** | **2,0** |
| - Đá mẹ:  + Vùng cận cực lục địa chủ yếu là các trầm tích Đệ tứ, băng tích, trầm tích hồ, phù sa sông, trầm tích biển.  + Vùng nhiệt đới gió mùa có đá mẹ phong phú hơn: bazan, đá vôi, đá phiến, đá gơnai.....  - Khí hậu:  + Vùng cận cực lục địa khí hậu khắc nghiệt, nhiệt độ thấp, hầu như tuyết quanh năm, lượng mưa nhỏ (130 - 300mm).  + Vùng nhiệt đới gió mùa có nền nhiệt cao trên 200C, mưa lớn (1800 - 2000mm), mưa và ẩm thay đổi mạnh theo mùa.  - Sinh vật:  + Vùng cận cực lục địa thành phần đơn giản, khả năng tạo mùn kém.  + Vùng nhiệt đới ẩm gió mùa có rừng rậm thường xanh, khả năng tạo mùn cao.  - Địa hình: Vùng cận cực lục địa địa hình khá bằng phẳng, nhiều hồ, đầm, đất ít bị rửa trôi. Vùng nhiệt đới gió mùa nhiều nơi có núi cao, dốc, đất bị rửa trôi mạnh và phân tầng rõ rệt theo độ cao.  - Thời gian và con người:  + Vùng cận cực lục địa đất mới hình thành cách đây dưới 1,5 triệu năm, tuổi trẻ, quá trình hình thành gián đoạn, đất mỏng. Vùng nhiệt đới gió mùa đất hình thành lâu hơn, tuổi đất già, tầng đất dày hơn.  + Vùng cận cực lục địa đất ít chịu tác động từ các hoạt động của con người hơn so với vùng nhiệt đới gió mùa**.** | 0.25  0.25  0.5  0.5  0.5 |
| **II** |  |  | **4,0** |
| **1** | **Chứng minh rằng tính địa đới của sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất đã bị phá vỡ.** | **2,0** |
| ***\* Sự phân bố mưa trên Trái Đất mang tính địa đới :*** Lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đều theo vĩ độ (d/c)  ***\* Tính địa đới bị phá vỡ thông qua sự phân bố mưa theo quy luật phi địa đới:***  - Lượng mưa phân bố không đều do ảnh hưởng của đại dương  + Không đều giữa vị trí gần hay xa biển (d/c)  + Không đều giữa bờ đông và bờ tây lục địa (d/c)  - Lượng mưa phân bố không đều theo địa hình  + Theo độ cao: cùng một sườn núi càng lên cao lượng mưa càng tăng nhưng đến một độ cao nào đó lượng hơi nước giảm dần, hầu như không có mưa.  + Theo hướng sườn: cùng 1 dãy núi, sườn đón gió mưa nhiều; sườn khuất gió mưa ít.  - Lượng mưa phân bố không đều giữa hai bán cầu:  + Từ xích đạo đến vòng cực: nửa cầu Nam mưa nhiều hơn nửa cầu Bắc do nửa cầu Nam có tỉ lệ diện tích lục địa nhỏ, tỉ lệ đại dương lớn, bán cầu Bắc tỉ lệ diện tích lục địa lớn, diện tích đại dương nhỏ.  + Từ vòng cực về cực: nửa cầu Nam là lục địa Nam Cực nên mưa ít hơn, nửa cầu Bắc là Bắc Băng Dương nên mưa nhiều hơn. | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Nhận xét, giải thích sự khác nhau về nhiệt độ và độ mặn nước biển ở vùng chí tuyến và ôn đới; ở xích đạo và vùng cực?** | **2,0** |
| **\*** Nhiệt độ nước biển chịu sự tác động của các nhân tố: nhiệt bức xạ của Mặt Trời và khí quyển; nhiệt Trái Đất; nhiệt động năng; nhiệt bốc hơi; nhiệt bức xạ của nước biển; nhiệt trao đổi đối lưu. Ngoài ra còn nhiều quá trình nhiệt khác như: đóng và tan băng, ngưng tụ hơi nước, trao đổi nhiệt với lục địa…  - Nhiệt độ nước biển ở vùng chí tuyến cao hơn vùng ôn đới. Do: ở vùng chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao hơn, nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng hơn so với vùng ôn đới.  - Nhiệt độ nước biển ở vùng xích đạo cao hơn vùng cực. Do: càng lên vĩ độ cao, nhiệt độ không khí giảm dần từ xích đạo về cực, góc nhập xạ giảm nên nhiệt độ nước biển cũng giảm.  **\*** Độ mặn nước biển luôn thay đổi tùy thuộc vào tương quan giữa độ bốc hơi với lượng mưa, lượng nước sông từ các lục địa đổ ra. Mà độ bốc hơi phụ thuộc chủ yếu vào nhiệt độ không khí. Độ mặn trung bình của nước biển là 35%o.  - Độ mặn ở chí tuyến (36,8%o) cao hơn ở ôn đới do nhiệt độ không khí cao hơn nên độ bốc hơi nhiều hơn.  - Độ mặn ở xích đạo (34,5%o) cao hơn ở cự do càng gần cực, nhiệt độ trung bình năm càng thấp, độ bốc hơi kém nên càng gần về cực độ mặn càng giảm (gần 2 cực là 34%o). | 0,5  0,25  0,25  0,5  0,25  0,25 |
| **III** |  |  | **4,0** |
| 1 | **Phân tích vai trò của sự phân bố lục địa, đại dương đối với nhiệt độ trên Trái Đất. Vì sao cùng có mưa quanh năm nhưng kiểu khí hậu xích đạo có lượng mưa lớn thường xuyên và đều đặn, còn kiểu khí hậu ôn đới hải dương lại mưa ít và thất thường?** | **2,0** |
| ***\*Phân tích vai trò của sự phân bố lục địa, đại dương đối với nhiệt độ trên Trái Đất.***  - Do tính chất hấp thu nhiệt giữa lục địa và đại dương khác nhau: lục địa hấp thu nhiệt nhanh, tỏa nhiệt nhanh nên nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều nằm trong lục địa, đại dương có biên độ nhiệt nhỏ, lục địa có biên độ nhiệt lớn.  - Nhiệt độ trung bình năm cao nhất không phải ở Xích Đạo mà ở chí tuyến.  - Ranh giới các vòng đai nhiệt không phải là các vĩ tuyến mà là các đường đẳng nhiệt ngoằn ngoèo.  - Làm cho nhiệt độ phân hóa phức tạp hơn: Đông-Tây, độ cao,…  ***\*Vì sao cùng có mưa quanh năm nhưng kiểu khí hậu xích đạo có lượng mưa lớn thường xuyên và đều đặn, còn kiểu khí hậu ôn đới hải dương lại mưa ít và thất thường?***  - Khí hậu Xích đạo có lượng mưa lớn trên 1500mm, mưa khá đều quanh năm do:  + Có diện tích đại dương lớn, quanh năm có góc nhập xạ lớn, bốc hơi mạnh, mưa đối lưu phát triển thường xuyên.  + Mặt khác quanh năm tồn tại áp thấp. FIT hoạt động mạnh, ổn định không khí chuyển động theo chiều thẳng đứng.  - Khí hậu ôn đới hải dương mưa ít và thất thường do:  + Mưa quanh năm do chịu ảnh hưởng của gió Tây ôn đới ẩm, khí xoáy, áp thấp ôn đới nhưng mưa ít hơn Xích đạo do nhiệt độ thấp hơn nên bốc hơi kém hơn.  + Chế độ mưa thất thường do: các yếu tố gây mưa như dòng biển nóng, khí xoáy, Frong,..thất thường. Nằm giữa đới nóng và lạnh nên có sự tranh chấp các khối khí gây nhiễu động thời tiết. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Nhận xét, giải thích về lượng mưa giữa bờ Đông và bờ Tây lục địa ở khu vực nhiệt đới và cận nhiệt. Tại sao gió mùa khu vực nội chí tuyến lại có khả năng phá vỡ tính liên tục của gió Tín phong?** | **2,0** |
| - Nhận xét: Lượng mưa giữa bờ Đông và bờ Tây lục địa ở khu vực nhiệt đới và cận nhiệt có sự khác nhau. Bờ Đông lục địa có khí hậu ẩm, mưa nhiều; bờ Tây lục địa có khí hậu khô, ít mưa.  - Giải thích: Do chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, trong đó quan trọng nhất là các dòng biển chảy sát ven bờ. Khu vực chí tuyến, bờ Đông lục địa có dòng biển nóng chảy sát ven bờ; bờ Tây lục địa có dòng biển lạnh chảy sát ven bờ.  *\* Gió mùa khu vực nội chí tuyến có khả năng phá vỡ tính liên tục của gió Tín phong, vì:*  - Khu vực nội chí tuyến thường có khu khí áp theo mùa có cường độ mạnh và phạm vi hoạt động lớn đã chi phối đến các khu khí áp thường xuyên vì thế gió mùa đã chi phối hoạt động của gió Tín phong.  - Sự hoạt động của gió mùa (hoạt động của hai luồng gió trái ngược nhau về hướng và tính chất) theo từng đợt đã lấn át hoạt động của gió Tín phong. Tuy nhiên, gió mùa chỉ phá vỡ tính liên tục, không làm mất đi tính thường xuyên của gió tín phong. Khi gió mùa suy yếu thì gió tín phong là loại gió chủ yếu. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **IV** |  |  | **3,0** |
|  | **1** | **Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ suất sinh thô. Tại sao ở những nước đang phát triển tỉ suất sinh thô cao và đang có xu hướng giảm?** | **2,0** |
|  | \* Các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ suất sinh thô:  - Yếu tố tự nhiên - sinh học: mức sinh thô phụ thuộc vào tỉ lệ phụ nữa trong độ tuổi sinh đẻ, nơi nào có tỉ lệ người (đặc biệt là phụ nữ) trong độ tuổi có khả năng sinh đẻ cao, tỉ lệ sinh thô có thể cao và ngược lại.  - Tập quán và tâm lý xã hội: ảnh hưởng đến sự thay đổi tỉ suất sinh (tập tục trọng nam dẫn đến chênh lệch giới tính).  - Trình độ phát triển kinh tế - xã hội: kinh tế - xã hội phát triển thì các điều kiện sống được nâng cao, tiến bộ về các mặt y tế và khoa học - kĩ thuật nên có tác động đến tỉ suất sinh thô có sự thay đổi lớn.  - Chính sách dân số: khuyến khích hoặc hạn chế mức sinh tùy theo điều kiện cụ thể của từng nước, từng thời kì.  \* Những nước đang phát triển tỉ suất sinh thô cao và đang có xu hướng giảm vì:  - Tỉ suất sinh thô cao do tâm lí xã hội (tâm lí có nhiều con, thích có con trai, tập quán kết hôn sớm…), trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, nhận thức chưa cao trong vấn đề giới và xóa bỏ hủ tục…  - Đang có xu hướng giảm do trình độ đã được nâng cao hơn nên nhận thức về hủ tục, tâm lý xã hội thay đổi nên ít lựa chọn giới tính khi sinh hơn, đặc biệt thực hiện tốt chính sách kế hoạch hóa gia đình. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5 |
| **2** | **Trình bày đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Tại sao các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam phải điều khiển lại quá trình đô thị hóa?** | **1,0** |
| \* Đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển:  - Đô thị hóa diễn ra muộn và gắn liền với bùng nổ dân số (diễn giải).  - Số dân thành thị tăng nhanh và tốc độ gia tăng dân số thành thị cao (diễn giải).  - Tỉ lệ dân thành thị có sự chênh lệch giữa các châu lục, khu vực và các nước (diễn giải).  - số lượng đô thị và quy mô đô thị tăng nhanh (diễn giải).  - Đô thị có vai trò quan trọng, lối sống đô thị ngày càng phổ biến (diễn giải).  \* Các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam phải điều khiển lại quá trình đô thị hóa vì:  - Ở các nước đang phát triển quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh hơn so với công nghiệp hóa, số người nhập cư vào các thành phố ngày càng đông đã gây ra hậu quả nghiêm trọng:  + Tình trạng thiếu việc làm ngày càng trở nên gay gắt.  + Vấn đề nhà ở trở nên cấp thiết…  + Kết cấu hạ tầng ở các khu đô thị trở nên quá tải…  + Ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng hơn…  - Điều khiển quá trình đô thị hóa để phù hợp với quá trình công nghiệp hóa sẽ góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động; thay đổi sự phân công lao động, thay đổi quá trình sinh tử và hôn nhân ở các đô thị… | 0,5  0,25  0,25 |
| **V** |  |  | **5,0** |
| 1 | **Việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia? Tại sao cơ cấu ngành trong GDP được xem là một tiêu chí để đánh giá nền kinh tế?** | **2,0** |
| ***\* Ý nghĩa:***  - Thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.  - Tác động tích cực đến phân công lao động theo lãnh thổ.  - Góp phần tạo nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.  - Góp phần khai thác, sử dụng hợp lí các nguồn lực phát triển kinh tế.  ***\* Cơ cấu ngành trong GDP được xem là một tiêu chí để đánh giá nền kinh tế vì:***  - Cơ cấu ngành trong GDP cho biết trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia.  - Các nước có nền kinh tế kém phát triển thường có tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp trong GDP rất cao, tỉ trọng công nghiệp - xây dựng thấp.  - Các nước phát triển thường có tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp rất nhỏ, tỉ trọng của ngành dịch vụ rất lớn.  - Các nước có xu thế chuyển nền kinh tế kinh tế kém phát triển sang nền kinh tế phát triển thường giảm nhanh tỉ trọng nông nghệp trong cả cơ cấu lao động lẫn cơ cấu GDP, đồng thời tăng tương ứng trong cơ cấu GDP và lao động của khu vực công nghiệp ở giai đoạn đầu và tăng cơ cấu lao động, cơ cấu GDP của khu vực dịch vụ ở giai đoạn sau. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** |  | **3,0** |
| ***\* Nhận xét:***  - Sản lượng than, dầu mỏ, điện trên thế giới giai đoạn 1950 - 2019 đều tăng (dẫn chứng).  - Tốc độ tăng về sản lượng than, dầu mỏ, điện trên thế giới giai đoạn 1950 - 2019 đều tăng (đẫn chứng). Trong đó: điện có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, dầu mỏ tốc độ tăng thứ hai và chậm nhất là than (dẫn chứng).  ***\* Giải thích:***  - Sản lượng than, dầu mỏ, điện trên thế giới giai đoạn 1950 - 2019 đều tăng do sự phát triển của trình độ khoa học kĩ thuật và nhu cầu tiêu dùng tăng lên.  - Tốc độ tăng về sản lượng than, dầu mỏ, điện trên thế giới giai đoạn 1950 - 2019 tăng do sản lượng tăng đều.  - Tốc độ tăng trưởng các sản phẩm không đều do:  + Sản lượng điện có tốc độ tăng nhanh nhất do nhu cầu rất lớn về các sản phẩm từ điện cho sinh hoạt và sản xuất trên thế giới, có nhiều nguồn sản xuất điện (nhiệt điện, thủy điện, điện gió, điện nguyên tử…) với các nhà máy sản xuất điện có công suất rất lớn ra đời.  + Sản lượng dầu mỏ có tốc độ tăng nhanh thứ hai do công nghệ khai khác ngày càng tiến bộ, hiện nay vẫn đang là nguồn nhiên liệu được sử dụng rộng rãi trong sản xuất và sinh hoạt.  + Sản lượng than có tốc độ tăng trưởng chậm nhất do vấn đề môi trường và than hiện nay chủ yếu được sử dụng nhiều trong công nghiệp hóa chất. | 1,0  1,0  0,25  0,25  0,5 |
| **Tổng số điểm câu I + II + III +IV + V** | | | **20,0** |